

Số: 0411/QĐ-SYT

Tây Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025
cho các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Y tế.

GIÁM ĐỐC
SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 1467/UBND-KT ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc cho ý kiến xử lý số kinh phí tạm ứng năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở như sau:

- Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Kinh phí phòng chống dịch bệnh) tại Văn Phòng Sở với số tiền **2.507.000.000 đồng** (Hai tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Thực hiện hoàn ứng kinh phí tạm ứng dự toán năm 2024) tại Trung tâm Y tế huyện Tân Châu với số tiền **2.507.000.000 đồng** (Hai tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu đồng).

(Theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng chuyên môn, Phòng giao dịch số 10 và 13 – Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- KBNN nơi giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Hồng Sơn



PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 0411 /QĐ-SYT ngày 28 / 4 / 2025 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	Nội dung	Tổng số kinh phí được giao đầu năm trước khi điều chỉnh (lần 1)			Điều chỉnh (lần 1)		Tổng số kinh phí được sử dụng sau khi điều chỉnh (lần 1)		
		Tổng số kinh phí được sử dụng	VP Sở	TTYT huyện Tân Châu	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số kinh phí được sử dụng	VP Sở	TTYT huyện Tân Châu
					TTYT huyện Tân Châu	VP Sở			
	Mã ĐVQHNS		1031070	1087969					
	Mã KBNN		1921	1915	1087969	1031070		1031070	1087969
	KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch,		Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI		1921	1915
	TỔNG SỐ THU, CHI NỘP NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ								
I	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NN	5.000.000.000	5.000.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
A	Cân đối ngân sách địa phương	5.000.000.000	5.000.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
1	Chi quản lý hành chính								
2	Nghiên cứu khoa học								
3	Chi sự nghiệp GD, ĐT, DN								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.000.000.000	5.000.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ (12)	5.000.000.000	5.000.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
	Chương 423 Loại 130 khoản 131	5.000.000.000	5.000.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
	- Phòng, chống dịch bệnh:								
		5.000.000.000	5.000.000.000		2.507.000.000	2.507.000.000	5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
	+ Phòng, chống dịch bệnh:	2.493.000.000	2.493.000.000				5.000.000.000	2.493.000.000	2.507.000.000
	+ Điều chỉnh kinh phí phòng chống dịch bệnh để thực hiện hoàn ứng kinh phí tạm ứng năm 2024 với PGD số 13 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế chống nhiễm khuẩn năm 2020.	2.507.000.000	2.507.000.000	0	2.507.000.000	2.507.000.000	2.507.000.000	0	2.507.000.000
5	Chi bảo đảm xã hội:								
6	Chi sự nghiệp kinh tế								
7	Chi sự nghiệp BVMT								
8	Chi sự nghiệp VHMT								
9	Chi sự nghiệp PTTH								
10	Chi sự nghiệp TDTT								
B	Chi các chương trình MTQG, MT								